

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi của**  
**Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Phú Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Phú Thọ.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 9 năm 2023 và thay thế Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động, hướng dẫn nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Phú Thọ.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Thọ, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Phú Thọ**  
*(Kèm theo Quyết định số: 18/2023/QĐ-UBND ngày 6 tháng 9 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định nội dung chi và mức chi, nguyên tắc chi hỗ trợ; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

#### **Điều 2. Nguyên tắc chi hỗ trợ**

Thực hiện chi hỗ trợ cho các đối tượng chưa được nhận hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của nhà nước có cùng nội dung hỗ trợ. Trong trường hợp cùng một nội dung có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ thì đối tượng được hỗ trợ được lựa chọn chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

#### **Điều 3. Chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

### **Chương II QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI CỦA QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**

#### **Điều 4. Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng chống thiên tai**

1. Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

a) Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán:

- Căn cứ nguồn Quỹ phòng, chống thiên tai được phân bổ, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế và khả năng cân đối Quỹ của địa phương; trường hợp vượt quá khả năng của địa phương thì báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp trên hỗ trợ;

- Mức hỗ trợ 60.000 đồng/người/ngày (trong đó bao gồm thuốc y tế, nước uống và thực phẩm thiết yếu).

b) Huy động lực lượng tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai và các lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai khác:

- Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Hỗ trợ 119.200 đồng/người/ngày; trường hợp huy động vào ban đêm từ 22 giờ ngày hôm trước trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau được hưởng mức hỗ trợ gấp đôi (Mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều);

- Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

c) Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai: Thực hiện theo quy định hiện hành.

## 2. Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực: Mức hỗ trợ là 15 kg gạo/người/tháng, thời gian cứu trợ không quá 3 tháng (Mức hỗ trợ áp dụng theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội).

b) Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai: Mức hỗ trợ 200.000 đồng/người/đợt thiên tai (trong đó hỗ trợ: nước uống 50.000 đồng/người/đợt; thuốc chữa bệnh 50.000 đồng/người/đợt; sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác 100.000 đồng/người/đợt).

c) Hỗ trợ tu sửa nhà ở: Chỉ tính nhà ở chính và áp dụng với các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

- Hỗ trợ nhà bị đổ, sập, trôi, hư hỏng, thiệt hại hoàn toàn hoặc bị phá hủy, hư hỏng trên 70% không thể khôi phục lại: Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/nhà/hộ (Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ);

- Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại rất nặng (bị phá hủy, hư hỏng, thiệt hại

từ 50 % đến 70%: Mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/nhà/hộ;

- Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại nặng (bị hư hỏng, thiệt hại từ 30 % đến dưới 50%): Mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/nhà/hộ;

- Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại một phần (bị hư hỏng, thiệt hại dưới 30 %): Mức hỗ trợ 50% mức thiệt hại nhưng không quá 10.000.000 đồng/nhà/hộ.

d) Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai: Mức hỗ trợ tối đa không quá 100.000.000 đồng cho 01 công trình.

đ) Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Mức chi theo hoá đơn, chứng từ chi thực tế; mức hỗ trợ tối đa không quá 10.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn.

e) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai: Điều kiện, trình tự thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

g) Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai: Mức chi theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ phòng, chống thiên tai; nhưng tối đa không quá 50.000.000 đồng cho 01 công trình hoặc hạng mục công trình.

h) Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn tỉnh bị sụt trượt, sạt lở (trừ quốc lộ): Mức hỗ trợ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ phòng, chống thiên tai, nhưng tối đa không quá 1.000.000.000 đồng cho 01 công trình.

i) Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: Mức hỗ trợ tối đa không quá 3.000.000.000 đồng trong tổng mức đầu tư của 01 công trình.

### 3. Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa

a) Hỗ trợ thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai: Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình.

b) Hỗ trợ lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định và khả năng cân đối

của Quỹ phòng, chống thiên tai.

c) Hỗ trợ phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng: Mức hỗ trợ áp dụng theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý và khả năng cân đối của Quỹ phòng, chống thiên tai.

d) Diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ phòng, chống thiên tai, nhưng mức hỗ trợ tối đa đối với diễn tập cấp xã không quá 150.000.000 đồng/cuộc, diễn tập cấp tỉnh và cấp huyện không quá 1.000.000.000 đồng/cuộc.

đ) Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và khả năng cân đối của Quỹ phòng, chống thiên tai.

e) Tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng chống thiên tai: Mức hỗ trợ áp dụng theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và khả năng cân đối của Quỹ phòng, chống thiên tai.

g) Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ phòng, chống thiên tai.

Đối với hỗ trợ quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai hàng năm phục vụ công tác phòng tránh, ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh: Trên cơ sở đề xuất và dự toán của cơ quan, tổ chức có chức năng hoạt động trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh xem xét, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ, đảm bảo phù hợp với nhu cầu của tỉnh.

h) Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai theo quy định: Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai và khả năng cân đối của Quỹ phòng, chống thiên tai.

## **Điều 5. Phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã**

### **1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã**

a) Ủy ban nhân dân cấp xã được giữ lại 28 % số thu trên địa bàn để thực hiện chi hỗ trợ cho các nội dung:

- Hỗ trợ 5 % chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu Quỹ phòng, chống thiên tai; hỗ trợ 3 % chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ. Nội dung chi và mức chi cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định hiện hành, nhưng phải đảm bảo công khai, minh bạch;

- Hỗ trợ 20 % chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo Điều 4 Quy định này.

b) Số tiền thu Quỹ phòng, chống thiên tai còn lại tại cấp xã (72 % số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản Quỹ cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

c) Hỗ trợ đối với các xã khu vực III (xã được miễn đóng góp Quỹ phòng, chống thiên tai): Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo Điều 4 Quy định này trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện; mức phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp xã khu vực III bằng số tiền của cấp xã được phân bổ thấp nhất nhưng tối thiểu không dưới 1 triệu đồng/xã.

## 2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện được giữ lại 23 % số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã nộp về) để thực hiện chi cho các nhiệm vụ sau:

- Hỗ trợ 3 % chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ phòng, chống thiên tai. Nội dung chi và mức chi cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo quy định hiện hành, nhưng phải đảm bảo công khai, minh bạch;

- Hỗ trợ 20 % chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo Điều 4 Quy định này.

b) Số tiền thu Quỹ phòng, chống thiên tai còn lại tại cấp huyện (77 % số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản Quỹ cấp tỉnh.

3. Sau khi các cấp có báo cáo quyết toán kinh phí hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản đã phân bổ nếu còn dư; trường hợp khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng chống thiên tai tại cấp huyện, cấp xã đã sử dụng hết, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân bổ kinh phí còn dư để thực hiện.

## **Điều 6. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh**

1. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh không vượt quá 3 % tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh; chi cho các nội dung sau:

a) Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh. Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Chi phí quản lý, điều hành và chi hành chính phát sinh của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh. Nội dung chi và mức chi quản lý hành chính thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Hàng năm, Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh lập dự toán chi tiết cho các nội dung chi, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cùng với Kế hoạch thu Quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm.

### **Điều 7. Thẩm quyền chi**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chi từ Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cơ sở đề nghị của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định chi hỗ trợ từ nguồn kinh phí được phân bổ tại Điều 5 Quy định này bao gồm: Quyết định chi hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ phòng chống thiên tai trên cơ sở đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cùng cấp; quyết định chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu Quỹ phòng, chống thiên tai và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện việc điều chuyển cho Quỹ phòng, chống thiên tai Trung ương hoặc quyết định điều chuyển cho Quỹ cấp tỉnh của địa phương khác.

### **Điều 8. Báo cáo, phê duyệt quyết toán**

1. Các địa phương, đơn vị được phân bổ, hỗ trợ, tạm ứng kinh phí chịu trách nhiệm: Quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời, gửi báo cáo quyết toán thu, chi về Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh để tổng hợp.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: Lập báo cáo quyết toán kết quả thu, chi Quỹ phòng, chống thiên tai trong năm trên địa bàn và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 30 tháng 01 năm sau để thẩm tra, quyết toán theo quy định; tổ chức quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm

a) Giao cơ quan chuyên môn tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ phòng, chống thiên tai trong năm trên địa bàn (bao gồm cả cấp xã) và gửi phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định quyết toán.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra quyết toán thu, chi Quỹ phòng, chống thiên tai được phân bổ cho cấp huyện, xã theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 5 Quy định này, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và gửi Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh trước ngày 28 tháng 02 năm sau. Thực hiện quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

4. Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh có trách nhiệm

a) Tổng hợp báo cáo quyết toán Quỹ phòng chống thiên tai năm trước của các



địa phương (gồm Quỹ cấp tỉnh, cấp huyện và các đơn vị), gửi Sở Tài chính thẩm định; Sở Tài chính tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật vào quý I năm sau.

b) Báo cáo kết quả thu, chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh với Cơ quan quản lý Quỹ Trung ương trước ngày 25 hàng tháng.

5. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ kế toán.

### **Điều 9. Thanh tra, kiểm toán và giám sát hoạt động**

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 10. Tổ chức thu, nộp**

Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị có trách nhiệm thu Quỹ phòng, chống thiên tai của các đối tượng theo quy định tại khoản 1, điểm a, điểm b khoản 3, khoản 4, khoản 7 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thu Quỹ phòng, chống thiên tai của các đối tượng lao động khác theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP trên địa bàn quản lý. Quỹ thu được tại cấp huyện, cấp xã nộp về tài khoản Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh theo quy định.

### **Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai hiệu quả.

b) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn trình tự, hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán các nội dung chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh theo đúng quy định.

b) Báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh với cơ quan quản lý Quỹ Trung ương.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tại địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

d) Tổng hợp các ý kiến về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, trình các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

## 2. Sở Tài chính có trách nhiệm

a) Thẩm tra quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai tình hàng năm, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thẩm định dự toán chi tiết nội dung chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán các nội dung chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh theo đúng quy định.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, hướng dẫn quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai.

## 3. Cục thuế tỉnh

Phối hợp và chỉ đạo các Chi cục thuế cấp huyện, khu vực trong việc hỗ trợ thu, lập kế hoạch thu Quỹ phòng, chống thiên tai. Cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn, thông tin tại điểm i, điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP cho Cơ quan quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 tháng 4 của năm kế hoạch để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ.

## 4. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Hàng năm cung cấp thông tin về số lượng công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp, người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh tại từng huyện, thành, thị theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 15 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP cho cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trước ngày 15 tháng 02 để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ.

5. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định tại Quy định này. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực. Lập báo cáo quyết toán và quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

## 6. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm

a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc lập kế hoạch, thu, nộp, quản lý, báo cáo, quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn quản lý theo quy định. Thực hiện tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 về việc thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai và Quy định này tới các tổ chức, cá nhân và người dân tại địa phương.

b) Hàng năm, lập báo cáo kết quả thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai 06 tháng (trước ngày 20 tháng 8) và cả năm (trước ngày 20 tháng 12) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng chống thiên tai theo quy

định.

c) Sử dụng kinh phí được phân bổ, hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các phòng, ban, đơn vị thực hiện công khai chính sách hỗ trợ.

#### 7. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Sử dụng kinh phí được phân bổ, hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng; thực hiện công khai danh sách, đối tượng, mức hỗ trợ trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Tổ chức thực hiện thu, nộp, báo cáo, quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn theo quy định.

### **Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, bất cập, các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.